

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 24/02/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Ngọc Luân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Bửu Khánh;

Ông Võ M Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:** Bà Trần Thúy An – kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST - DS, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông Huỳnh Quốc M, sinh năm 1950 (có đơn xin vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ti, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào năm 2013 ông, bà có tham gia chơi 01 chân hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn C làm chủ, hụi gồm có 19 người chơi (19 phần hụi), với số tiền 5.000.000 đồng/người/lần. Một năm xổ hụi 04 lần như sau:

Ngày 30 tháng 01 âm lịch xổ, ngày 15 tháng 02 âm lịch gom tiền và ngày 20 tháng 02 âm lịch giao tiền cho người nhận.

Ngày 30 tháng 4 âm lịch xổ, ngày 15 tháng 5 âm lịch gom tiền và ngày 20 tháng 5 âm lịch giao tiền cho người nhận.

Ngày 30 tháng 7 âm lịch xổ, ngày 15 tháng 8 âm lịch gom tiền và ngày 20 tháng 8 âm lịch giao tiền cho người nhận.

Ngày 30 tháng 10 âm lịch xổ, ngày 15 tháng 11 âm lịch gom tiền và ngày 20 tháng 11 âm lịch giao tiền cho người nhận.

Vợ chồng ông bà góp hụi được 17 lần tổng cộng 85.000.000 đồng, đến lần thứ 18 (tháng 4 năm 2017 âm lịch) ông bà hốt hụi thì vợ chồng ông C, bà B nói bị giựt hụi nên đã ngưng xổ hụi và không giao tiền cho ông bà. Ông bà đã nhiều lần yêu cầu thì bà B trả được 10.000.000 đồng, sau đó bà B không trả nữa.

Tại đơn khởi kiện ông M, bà H yêu cầu bà B, ông C phải liên đới trả cho ông, bà tổng số tiền nợ hụi 75.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà B trả cho ông, bà số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

***- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Bà thừa nhận có nợ tiền hụi của bà H, ông M số tiền hụi là 85.000.000 đồng, nhưng đã trả được 30.000.000 đồng, đến nay chỉ còn nợ ông M, bà H 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Bà đồng ý trả cho ông M, bà H số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng, nhưng hiện nay không có tài sản để trả, bà không yêu cầu chồng bà là ông Huỳnh Văn C phải liên đới cùng bà trả nợ cho ông M, bà H.

***- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà B thừa nhận có nợ tiền hụi của bà H, ông M số tiền 55.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông M, bà H số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng nhưng hiện nay không có khả năng thanh toán. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận chơi hụi với nhau, HĐXX xác định đây là tranh chấp nợ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà B là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn ông M, bà H; bị đơn bà B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông M, bà H, bà B theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Đơn khởi kiện ông M, bà H xác định khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1954 và ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1952. Sau đó ông M, bà H đính chính lại tên và năm sinh của bị đơn là “bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953 và ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1949”. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông M, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà B trả cho ông, bà số tiền 55.000.000 đồng mà không yêu cầu ông C liên đới trả nợ với bà. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện Bn đầu, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu ông C liên đới trả nợ với bà B, do đó HĐXX xác định bị đơn trong vụ án này là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953 và không đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn.

[2] Xét nội dung tranh chấp: Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B có ý kiến thống nhất với nhau là bà B có nợ ông M, bà H số tiền nợ

hội là 55.000.000 đồng nhưng các bên không thỏa thuận được về phương thức và cách trả nợ. Xét thấy việc tham gia góp hội, giữa ông M, bà H với bà B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 23, khoản 3 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán bà B không thanh toán tiền hội cho ông M, bà H theo thỏa thuận. Do đó, việc ông M, bà H yêu cầu bà B phải có trách nhiệm trả cho ông M, bà H số tiền chơi hội 55.000.000 đồng là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông M, bà H được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông M, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000 đồng theo lai thu số 0002168 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà B là người cao tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không có đơn xin miễn án phí theo quy định. Do đó, HĐXX không có cơ sở để xem xét miễn án phí cho bà B. Bà B phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho ông M, bà H là 2.750.000 đồng (55.000.000 x 5%).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 23, khoản 3 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hội là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

## 2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Quốc M, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002168 ngày 11/3/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

## 3. Quyền kháng cáo:

Ông M, bà H, bà B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Ngọc Luân**